

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1143/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thị Cẩm Vân**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Thân**

Thư ký phiên tòa: ông **Lê Huy Khang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Lê Mỹ Phương** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2256/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đình Thanh T**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Phương M**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP.HCM.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là ông **Đình Thanh T** trình bày: Ông và bà **Lê Thị Phương M** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 17, quận bình Thạnh vào năm 1995 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 1 ngày 01/8/1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2018 đây thì thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn do tính không hợp, bất đồng quan điểm. Ông và bà M đã sống ly thân, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau gần 2 năm nay. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn đôi bên không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà M có ba con chung tên là Đinh Quang H sinh ngày 16/12/1996 (đã trưởng thành), Đinh Quang T sinh ngày 15/7/2000 (đã trưởng thành) và Đinh Quang T sinh ngày 27/7/2004. Ông T đồng ý giao con chung Đinh Quang T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn là bà Lê Thị Phương M đã trình bày:

Bà và ông Đinh Thanh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 17, quận Bình Thạnh vào năm 1995 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 1 ngày 01/8/1995. Quá trình chung sống, ông bà tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, bà cũng xác nhận ông bà đã ly thân gần 2 năm nay. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn với ông T nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay bà xác nhận vẫn còn tình cảm với ông T mong được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn gia đình.

Trong Trường hợp phải ly hôn:

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà M có ba con chung tên là Đinh Quang Huy sinh ngày 16/12/1996 (đã trưởng thành), Đinh Quang Trí sinh ngày 15/7/2000 (đã trưởng thành) và Đinh Quang Trường sinh ngày 27/7/2004. Bà M đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Đinh Quang T. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu, tùy vào khả năng của ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức, thẩm quyền giải quyết:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông Đinh Thanh T và bà Lê Thị Phương M là tranh chấp về “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; hiện bà M cư trú tại phường 17, quận Bình Thạnh, TP.HCM nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 58 do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Bình Thạnh cấp ngày 01/8/1995 thể hiện hôn nhân giữa ông Đinh Thanh T và bà Lê Thị Phương M là hôn nhân hợp pháp. Ông T yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đôi bên có nhiều bất đồng về quan điểm không còn tình cảm với bà M, ông bà đã sống ly thân gần 2 năm nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ cho ông T và bà M nhưng không thành.

Căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa hôm nay cũng như các tài liệu có trong hồ sơ thì cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đã sống ly thân gần 2 năm nay và không có khả năng hàn gắn. Cuộc sống hôn nhân gia đình phải xuất phát từ hai phía cùng nhau xây dựng vun đắp, trong thời gian gần 2 năm ly thân ông T và bà M đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành, tại phiên tòa hôm nay ông T xác định không còn tình cảm với bà M, kiên quyết xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì tòa án quyết định cho ly hôn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: ông T và bà M có ba con chung tên là Đinh Quang H sinh ngày 16/12/1996 (đã trưởng thành), Đinh Quang T sinh ngày 15/7/2000 (đã trưởng thành) và Đinh Quang T sinh ngày 27/7/2004. Ông T đồng ý giao con chung Quang T cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà M cũng đồng ý trực tiếp nuôi con trong trường hợp ly hôn, xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật, đồng thời cũng là nguyện vọng của con chung Quang T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng, hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T và bà M không yêu cầu giải quyết.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, 54, 56, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đinh Thanh T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Phương M.

Về con chung: có ba con chung tên là Đinh Quang H sinh ngày 16/12/1996 (đã trưởng thành), Đinh Quang T sinh ngày 15/7/2000 (đã trưởng thành) và Đinh Quang T sinh ngày 27/7/2004. Giao con chung Đinh Quang T cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Ông Đinh Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0017250 ngày 28/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra ông T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ Toạ phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM
- VKSND Q.BT
- Chi cục THA DS Q.BT
- Đường sự
- Lưu

Hoàng Vũ Nam

